

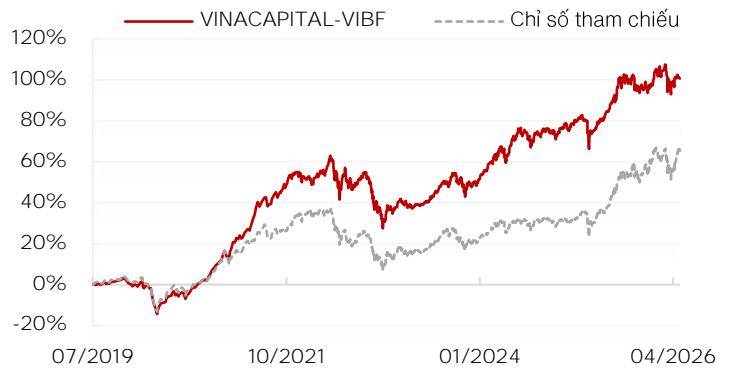
Quỹ có mục tiêu giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50 giữa cổ phiếu và các tài sản đầu tư có thu nhập cố định. Quỹ tập trung đầu tư danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Quỹ cũng đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, lợi nhuận bền vững và nguồn vốn vững mạnh, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Hiệu suất đầu tư của quỹ

Lợi nhuận (LN)	VINACAPITAL-VIBF	Chỉ số tham chiếu
LN tháng 04/2026 (%)	1.0	5.6
LN từ đầu năm 2026 (%)	1.4	2.8
LN kép trung bình 3 năm (%/năm)	12.9	13.4
LN kép trung bình 5 năm (%/năm)	9.5	6.7
LN kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	10.7	7.6
LN từ ngày thành lập (%)	100.6	65.3

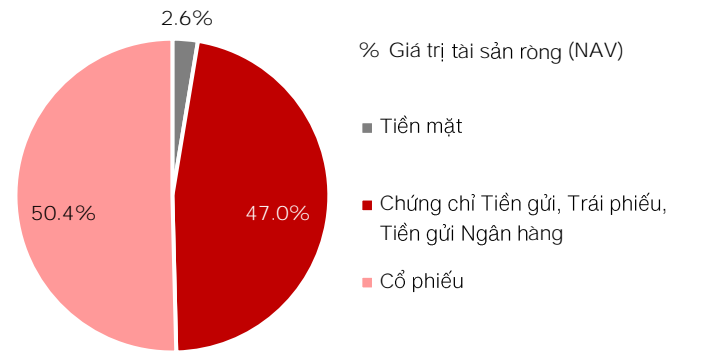
Chỉ số tham chiếu: Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank.

Lợi nhuận đầu tư từ ngày thành lập

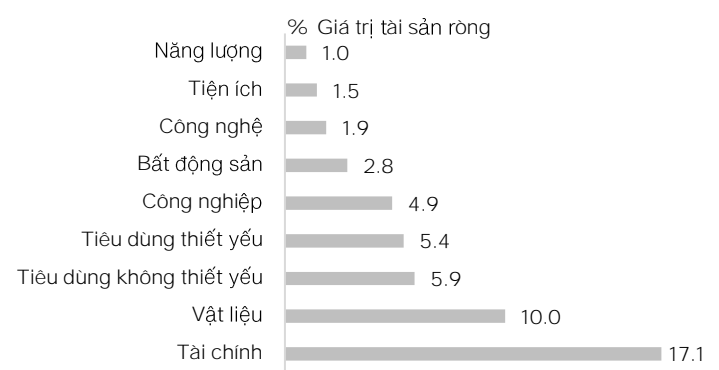


Dữ liệu là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư tương lai. Lợi nhuận không cam kết và có thể biến động trong ngắn hạn. Khuyến nghị đầu tư trung và dài hạn để đạt hiệu suất tốt.

Phân bổ tài sản



Danh mục cổ phiếu phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Ngành	% NAV
HPG	Vật liệu	4.9
VCB	Tài chính	4.1
Cổ phiếu MBB	Tài chính	3.8
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	3.2
CTG	Tài chính	2.7
MSN123010	Tiêu dùng thiết yếu	12.1
Trái phiếu BAF126003	Tiêu dùng thiết yếu	5.0
HDC12502	Bất động sản	3.2
TỔNG CỘNG		39.0

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF

Cập nhật thị trường trái phiếu
Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tháng 04/2026 ghi nhận 19 đợt phát hành với tổng giá trị gần 49,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng chỉ 2% so với cùng kỳ năm 2025. Thị trường phát hành riêng lẻ ghi nhận 18 đợt phát hành với tổng giá trị 48,8 nghìn tỷ đồng, tập trung vào hai nhóm ngành Bất động sản (30,4 nghìn tỷ đồng) và Ngân hàng (16,2 nghìn tỷ đồng). Lãi suất phát hành bình quân của nhóm Bất động sản là 9,4%, dao động từ 5,8% đến 12,5%; trong khi lãi suất phát hành bình quân của nhóm Ngân hàng là 8,5%, dao động từ 8,0% đến 9,0%. Đáng chú ý, mức lãi suất bình quân 9,4% của nhóm Bất động sản chịu tác động lớn từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi trên thị trường quốc tế của Vingroup, khi doanh nghiệp này huy động hơn 9,2 nghìn tỷ đồng với lãi suất chỉ 5,8%. Nếu loại trừ đợt phát hành này, lãi suất phát hành bình quân của nhóm Bất động sản đạt mức 10,9%. Thị trường phát hành công chứng chỉ ghi nhận 1 đợt phát hành từ TCX, huy động 1,0 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 2 năm, lãi suất phát hành 8,0%.

Cập nhật thị trường chứng khoán
Sau khi giảm mạnh 10,9% trong tháng 3/2026 do tác động từ xung đột tại Trung Đông, chỉ số VN-Index phục hồi 10,7% trong tháng 4/2026. Tuy nhiên, động lực tăng điểm mang tính tập trung cao, khi khoảng 95% mức tăng trong tháng đến từ nhóm cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ nhóm này, VN-Index trong tháng 4 chỉ tăng khoảng 0,5%. Tính từ đầu năm, nhóm cổ phiếu Vingroup đã đóng góp khoảng 87 điểm vào mức tăng của VN-Index; nếu không có nhóm này, chỉ số thực chất đã giảm khoảng 1,0%.

Trong tháng 4/2026, căng thẳng liên quan đến xung đột tại Iran vẫn duy trì ở mức cao nhưng đã hạ nhiệt so với giai đoạn căng thẳng nhất trong tháng 3, sau khi một lệnh ngừng bắn tạm thời kéo dài hai tuần được công bố đầu tháng 4, góp phần giảm bớt rủi ro leo thang quân sự quanh eo biển Hormuz. Theo đó, giá dầu điều chỉnh giảm từ mức đỉnh xấp xỉ 120 USD/thùng, dù vẫn neo ở mặt bằng cao và biến động mạnh do hoạt động vận chuyển qua Hormuz mới chỉ được khôi phục một phần và triển vọng đàm phán còn nhiều bất định.

Các chỉ báo kinh tế vĩ mô cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã chịu một số tác động từ biến động địa chính trị toàn cầu. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng lên 5,5% trong tháng 4/2026, so với mức hơn 3% so với cùng kỳ trước khi xung đột bùng phát, chủ yếu do giá tăng ở các nhóm nhiên liệu, nhà ở và dịch vụ ăn uống. Ở khu vực sản xuất, chỉ số sản xuất công nghiệp của ngành chế biến chế tạo tăng 9,9% trong bốn tháng đầu năm. Tuy nhiên, chỉ số quản trị mua hàng (PMI) tháng 4 giảm xuống 50,5, mức thấp nhất trong bảy tháng, khi đơn hàng mới lần đầu suy giảm sau tám tháng, trong bối cảnh chi phí đầu vào và giá bán đầu ra tăng nhanh nhất kể từ năm 2011.

Chỉ số danh mục

VINACAPITAL-VIBF **Chỉ số tham chiếu**

Chỉ số danh mục cổ phiếu

Chỉ số P/E 2026 (x)	9.8	13.1
Chỉ số P/B 2026 (x)	1.5	1.8
Chỉ số ROE 2026 (%)	17.3	15.4
Lợi suất cổ tức (%)	2.4	1.8
Số lượng chứng khoán	26	425

Chỉ số danh mục trái phiếu

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	0.9	
Lợi suất khi đáo hạn (%)	8.3	

Chỉ số danh mục

Hệ số Sharpe (5 năm)	0.7	0.5
----------------------	-----	-----

(Nguồn: Dự báo của VinaCapital)

Thông tin quỹ

Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,449.2
Giá trị TS ròng/CCQ (VNĐ)	20,063.7
Ngày thành lập	02/07/2019
Phí quản lý	1.75% /năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	Từ ngày 1 - ngày 364: 2%
	Từ ngày 365 - ngày 729: 1%
	Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Thứ 2 đến Thứ 6
Chỉ số tham chiếu	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank.

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý.)

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sunwah
 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam
 Bộ phận Quan hệ Nhà Đầu Tư: irwm@vinacapital.com
 Tel: +84 28 38 27 85 35

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tiếp theo)

Ở chiều tích cực, sau các chỉ đạo điều hành từ Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất đã ổn định trở lại trong tháng 4, với một số ngân hàng ghi nhận điều chỉnh giảm nhẹ lãi suất huy động. Tỷ giá duy trì ổn định, với USD/VND chỉ tăng khoảng 0,2% từ đầu năm. Bất chấp các biến động toàn cầu, dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực, với vốn đăng ký và giải ngân lần lượt tăng 32,0% và 9,8% trong bốn tháng đầu năm.

Kết quả kinh doanh quý 1/2026 của các doanh nghiệp niêm yết ghi nhận tăng trưởng tích cực, với tổng lợi nhuận trên cả ba sàn tăng 35% so với cùng kỳ. Tất cả các nhóm ngành đều đạt mức tăng trưởng lợi nhuận dương. Ngành Năng lượng ghi nhận lợi nhuận tăng 8,7 lần nhờ hưởng lợi từ giá dầu tăng. Ngành Vật liệu tăng trưởng lợi nhuận 106%, dẫn dắt bởi thép, cao su tự nhiên và phân bón. Ngành tiêu dùng không thiết yếu ghi nhận mức tăng 71%, trong đó các doanh nghiệp bán lẻ như MWG, PNJ, FRT đạt kết quả tích cực. Ở ngành ngân hàng, kết quả kinh doanh tiếp tục phân hóa: các ngân hàng quy mô lớn như CTG, VPB, MBB duy trì tăng trưởng tốt, trong khi một số ngân hàng nhỏ hơn như STB, LPB, TPB ghi nhận lợi nhuận giảm so với cùng kỳ. Do áp lực huy động vốn và biên lãi ròng, tăng trưởng lợi nhuận ngành ngân hàng đạt 12%, thấp hơn mức trung bình của thị trường trong quý 1.

Cập nhật quỹ và triển vọng đầu tư

Trong tháng 4/2026, tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ (CCQ) của Vinacapital- VIBF tăng 1,0%, thấp hơn mức tăng 5,6% của chỉ số tham chiếu. Nguyên nhân chính đến từ việc quỹ không nắm giữ các cổ phiếu thuộc hệ sinh thái Vingroup, nhóm cổ phiếu đóng góp khoảng 95% tổng mức tăng của VN-Index trong tháng 4. Tính từ đầu năm, tài sản ròng trên mỗi CCQ tăng 1,4%.

Quỹ vẫn duy trì chiến lược lựa chọn cổ phiếu tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng chất lượng cao và bền vững. Trong quý 1/2026, danh mục cổ phiếu ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận 49%, vượt trội so với mức 35% của 3 sàn giao dịch. Nhiều khoản đầu tư chủ chốt trong danh mục quỹ đã có kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng của thị trường. Cụ thể như trong ngành tiêu dùng, MWG ghi nhận lợi nhuận ròng đạt 2.714 tỷ đồng, tăng 76% so với cùng kỳ, nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh tại chuỗi Điện Máy Xanh, cải thiện biên lợi nhuận và sự chuyển biến tích cực của Bách Hóa Xanh sang trạng thái có lãi. PNJ đạt lợi nhuận ròng 1.467 tỷ đồng, tăng 117% so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi tăng trưởng bán lẻ hai chữ số và đóng góp từ mảng kinh doanh vàng trong bối cảnh giá vàng duy trì ở mức cao. Trong ngành thép, HPG đạt lợi nhuận ròng 8.994 tỷ đồng, tăng 169% so với cùng kỳ, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng, giá bán cải thiện và biên lợi nhuận mở rộng. Loại trừ các khoản thu nhập bất thường, lợi nhuận ròng cốt lõi đạt khoảng 5.000 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 49%, cho thấy sự phục hồi rõ rệt của hoạt động kinh doanh chính.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trong danh mục tiếp tục ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận tích cực và phù hợp với kỳ vọng năm 2026. Khoảng 70% danh mục cổ phiếu hiện đang giao dịch dưới mức định giá trung bình 5 năm, tạo nền tảng hỗ trợ cho triển vọng trung và dài hạn của quỹ, đặc biệt khi thị trường quay trở lại tập trung vào yếu tố cơ bản và tăng trưởng lợi nhuận bền vững.

Lợi nhuận hằng tháng

LN từ đầu

	Tháng 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
2022	-0.1%	1.9%	3.1%	-2.8%	-1.6%	-1.7%	-0.8%	3.9%	-5.9%	-5.5%	-1.5%	0.5%	-10.5%
2023	4.0%	-2.8%	0.6%	0.5%	1.0%	2.9%	3.8%	1.3%	-1.0%	-5.3%	3.7%	2.2%	11.2%
2024	2.6%	4.3%	3.3%	-2.6%	4.8%	0.9%	0.0%	1.3%	0.8%	-0.5%	-0.3%	2.3%	17.9%
2025	0.1%	1.4%	-1.0%	-2.2%	2.7%	2.6%	3.1%	5.3%	-1.0%	-1.0%	-0.6%	1.2%	10.8%
2026	3.9%	0.8%	-4.1%	1.0%									1.4%

Thông tin quan trọng: Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.